

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022

**QUỸ LIÊN KẾT
ĐƠN VỊ**

**TẬP ĐOÀN
BẢO HIỂM SỐ 1 TẠI Ý^(*)**

(*) theo Báo cáo Phí bảo hiểm trực tiếp năm 2021 từ ANIA - Hiệp hội của các công ty bảo hiểm

THÔNGIỆP TỔNG GIÁM ĐỐC



Kính thưa Quý khách,

Chân thành cảm ơn Quý khách đã tin tưởng và đồng hành cùng Generali Việt Nam.

Chúng tôi hân hạnh chia sẻ cùng Quý khách kết quả kinh doanh của Tập đoàn Generali trong năm 2022 - kết quả cao nhất từ trước tới nay, với tổng doanh thu phí đạt 81,5 tỷ Euro, lợi nhuận hoạt động đạt 6,5 tỷ Euro. Biên khả năng thanh toán đạt và các chỉ số tài chính quan trọng đều khả quan. Kết quả rất ấn tượng này củng cố vị thế tài chính vững chắc của Generali trong bối cảnh suy thoái kinh tế toàn cầu và chiến tranh ở Châu Âu.

Generali Việt Nam tự hào tiếp tục đóng góp tích cực vào những thành tựu này của Tập đoàn. Trong một năm 2022 đầy biến động của thị trường tài chính Việt Nam, Generali Việt Nam vẫn quyết tâm kiên định theo đuổi chiến lược tăng trưởng bền vững và thực hiện cam kết “Người bạn Trọn đời” của khách hàng. Tổng doanh thu phí năm 2022 đạt 5,1 nghìn tỷ đồng, tăng 18% so với năm 2021. Lợi nhuận trước thuế đạt 765 tỷ đồng, mức lợi nhuận cao nhất từ trước đến nay. Biên khả năng thanh toán được duy trì ở mức cao (181% tại 31/12/2022), đảm bảo tốt khả năng chi trả cho khách hàng. Đặc biệt, những nỗ lực không ngừng của chúng tôi cho mục tiêu cải tiến chất lượng sản phẩm, dịch vụ và nâng cao trải nghiệm khách hàng đã giúp Generali Việt Nam củng cố vị thế dẫn đầu thị trường về mức độ hài lòng của khách hàng, với chỉ số R-NPS cao nhất thị trường trong 10 quý liên tiếp vừa qua.

Không ngừng nỗ lực, sáng tạo để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng, vào tháng 08/2022, Generali đã cho ra mắt VITA – Cho Con, sản phẩm

bảo hiểm liên kết đơn vị tiên phong trên thị trường được thiết kế cho mục tiêu đầu tư về giáo dục. Sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị VITA – Đầu Tư Như Ý đã được giới thiệu trước đó, cùng với VITA – Cho Con tiếp tục được đồng đạo Quý khách hàng tin tưởng lựa chọn.

Năm 2022 là một năm khó khăn với thị trường chứng khoán toàn cầu nói chung và Việt Nam nói riêng. Thị trường chứng khoán Việt Nam trở thành một trong các thị trường kém hấp dẫn nhất thế giới khi chỉ số VN-Index giảm 33%. Trong bối cảnh đó, với cơ chế đầu tư độc đáo và sự quản lý của hai công ty quản lý quỹ chuyên nghiệp hàng đầu Việt Nam VinaCapital và Dragon Capital, cả bốn quỹ liên kết đơn vị của Generali Việt Nam đều đã thành công trong việc giảm thiểu tối đa rủi ro do biến động của thị trường trong giai đoạn khó khăn này. Những kết quả khả quan này được trình bày chi tiết trong Báo cáo Thường niên về Kết quả hoạt động các Quỹ Liên kết Đơn vị năm 2022 đính kèm.

Generali trân trọng cảm ơn sự tin tưởng của Quý khách và cam kết sẽ không ngừng nỗ lực để xứng đáng với niềm tin của Quý khách.

Kính chúc Quý khách cùng gia đình sức khỏe và thịnh vượng.

TINA NGUYỄN
Tổng Giám đốc Generali Việt Nam

TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH NĂM 2022



KINH TẾ VĨ MÔ

Chính sách ứng phó linh hoạt và chiến dịch tiêm chủng vaccine phòng COVID-19 thành công đã mang lại những thành quả ấn tượng cho kinh tế Việt Nam trong năm 2022, giúp Việt Nam trở thành điểm sáng trong khu vực cũng như trên toàn cầu.

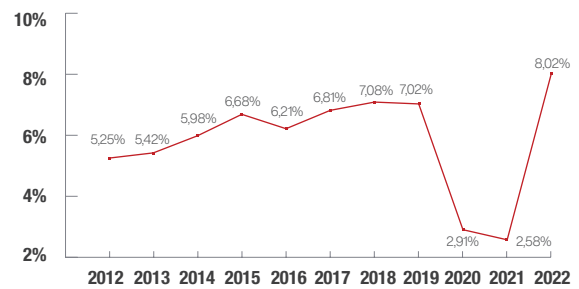
GDP năm 2022 tăng 8,02% so với năm 2021 và đạt mức tăng cao nhất trong vòng một thập kỷ qua. Tỷ lệ tăng trưởng của khu vực dịch vụ; khu vực công nghiệp và xây dựng; và khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản lần lượt là 9,99%; 7,78% và 3,36%, đóng góp 56,65%; 38,24% và 5,11% vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền

kinh tế. Sự phục hồi trong năm nay đến từ việc nới lỏng giãn cách xã hội, thực hiện các gói hỗ trợ tài khóa và tăng trưởng xuất khẩu tích cực.

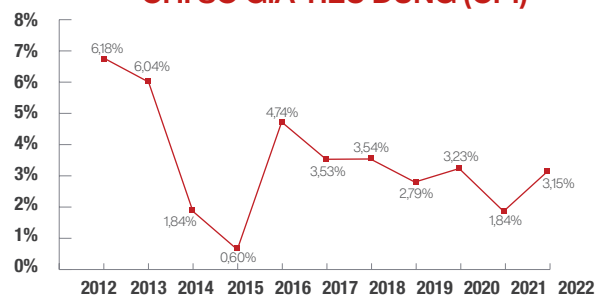
Trong bối cảnh lạm phát tại các nước trên thế giới tăng cao ở mức 2 con số trong năm 2022, Việt Nam đã thành công trong việc duy trì chỉ số giá tiêu dùng ở mức 3,15%, thấp hơn mục tiêu Quốc hội đề ra (dưới 4%). Để kiểm chế lạm phát, kể từ đầu năm 2022, một số chính sách tài khóa đã được triển khai như: giảm thuế giá trị gia tăng (GTGT) đối với một số hàng hóa, dịch vụ, giảm thuế môi trường đối với mặt hàng xăng dầu, cắt giảm thuế nhập khẩu sản phẩm xăng dầu. Ngoài ra, một số loại phí và lệ phí khác cũng được cắt giảm.



TĂNG TRƯỞNG GDP



CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG (CPI)



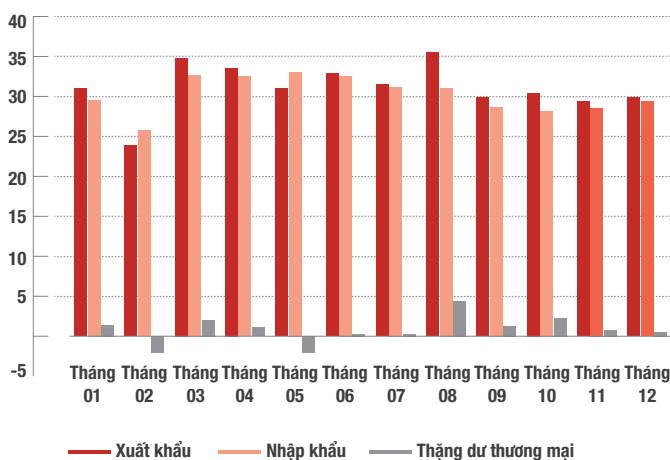
Xuất khẩu vẫn đang là động lực chính của tăng trưởng. Giá trị xuất khẩu của Việt Nam năm 2022 tăng 10,6% so với cùng kỳ năm 2021 lên đến 371,85 tỷ đô la Mỹ (USD) nhờ mức nền thấp của năm 2021 do gián đoạn sản xuất bởi đại dịch COVID-19. Giá xuất khẩu tăng trong bối cảnh giá hàng hóa thế giới tăng cao và nhiều đơn hàng sản xuất dịch chuyển từ Trung Quốc sang Việt Nam do ảnh hưởng bởi chính sách Zero-COVID và tình trạng thiếu điện tại miền Nam Trung Quốc. Nhập khẩu của Việt Nam tăng 8,4% so với năm 2021 lên đến 360,65 tỷ USD, giúp thặng dư thương mại đạt 11,2 tỷ USD (so với mức 3,32 tỷ USD của năm 2021).

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) thực hiện vẫn khả quan. Đầu tư công tăng trưởng dương từ nền thấp của năm 2021. Xu hướng tăng của FDI thực hiện là diễn biến đáng khích lệ, phản ánh sự hiện thực hóa các cam kết trước đó của nhà đầu tư. Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, vốn FDI thực hiện năm tăng 13,5% đạt gần 22,4 tỷ USD. Trong khi đó, vốn FDI đăng ký ước đạt gần 27,72 tỷ USD, giảm 11% so với năm 2021.

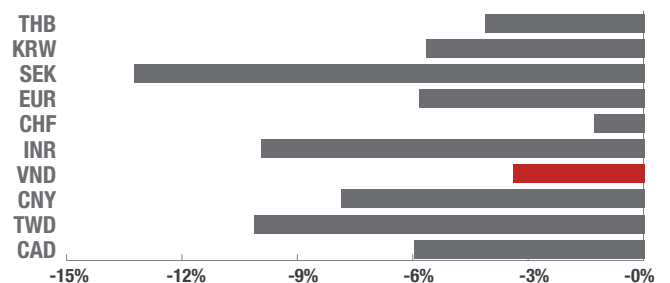
Tăng trưởng tín dụng trong năm 2022 ước đạt 14,5% so với cuối năm 2021 (13,6%). Tuy nhiên mức tăng trưởng này vẫn thấp hơn hạn mức mà Ngân hàng nhà nước (NHNN) cho phép trong năm 2022 là 16%. Nhìn chung, chính sách tiền tệ xuyên suốt năm 2022 là linh hoạt với xu hướng thắt chặt, tùy theo diễn biến tình hình để xác định trọng tâm, trọng điểm ưu tiên trong từng thời điểm. Thực tế, từ tháng 10 khi sự cố Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn (SCB) xảy ra tác động mạnh tới thanh khoản hệ thống và thị trường, NHNN đã ưu tiên cao nhất và tập trung thực hiện các giải pháp đảm bảo an toàn hệ thống và ổn định thị trường ngoại hối.

Trong năm 2022, VND mất giá khoảng 3,5%, mức mất giá thấp hơn nhiều so với các đồng tiền khác trên thế giới và khu vực. NHNN cũng đã triển khai các biện pháp cần thiết nhằm ổn định tỷ giá trong năm 2022, bao gồm tăng biên độ giao dịch của tỷ giá từ +3% lên +5% để linh hoạt và sẵn sàng bán ngoại tệ can thiệp.

XUẤT NHẬP KHẨU NĂM 2022



BIẾN ĐỘNG CÁC ĐỒNG TIỀN SO VỚI USD (LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM)



THỊ TRƯỜNG CỔ PHIẾU

Sau khi tăng trưởng vượt bậc trong năm 2021, thị trường chứng khoán (TTCK) Việt Nam khởi đầu năm 2022 với chỉ số VN-Index tăng 2,0% lên 1.528,6 điểm trong tuần đầu tiên của năm - mức cao nhất mọi thời đại. Ngay cả khi những rủi ro bên ngoài xuất hiện như tín hiệu Cục dự trữ liên bang Hoa Kỳ (Fed) tăng lãi suất và Nga mở chiến dịch quân sự đặc biệt tại Ukraine, TTCK Việt Nam vẫn trụ vững và dao động trong vùng 1.450- 1.550 điểm trong quý 1. Tuy nhiên, tình hình bắt đầu thay đổi khi chủ tịch của một số tập đoàn lớn trong nước bị bắt vì tội thao túng thị trường chứng khoán cũng như vi phạm về phát hành trái phiếu doanh nghiệp. VN-Index đã giảm 23,1% xuống 1.172 điểm chỉ trong một tháng sau thời điểm diễn ra sự kiện trên do đà bán tháo ồ ạt dẫn đến hiện tượng bán giải chấp trên toàn thị trường. Kết thúc năm 2022, VN-Index giảm 33% xuống mức 1.007 điểm, trở thành một trong những chỉ số chứng khoán giảm nhiều nhất thế giới trong năm 2022.

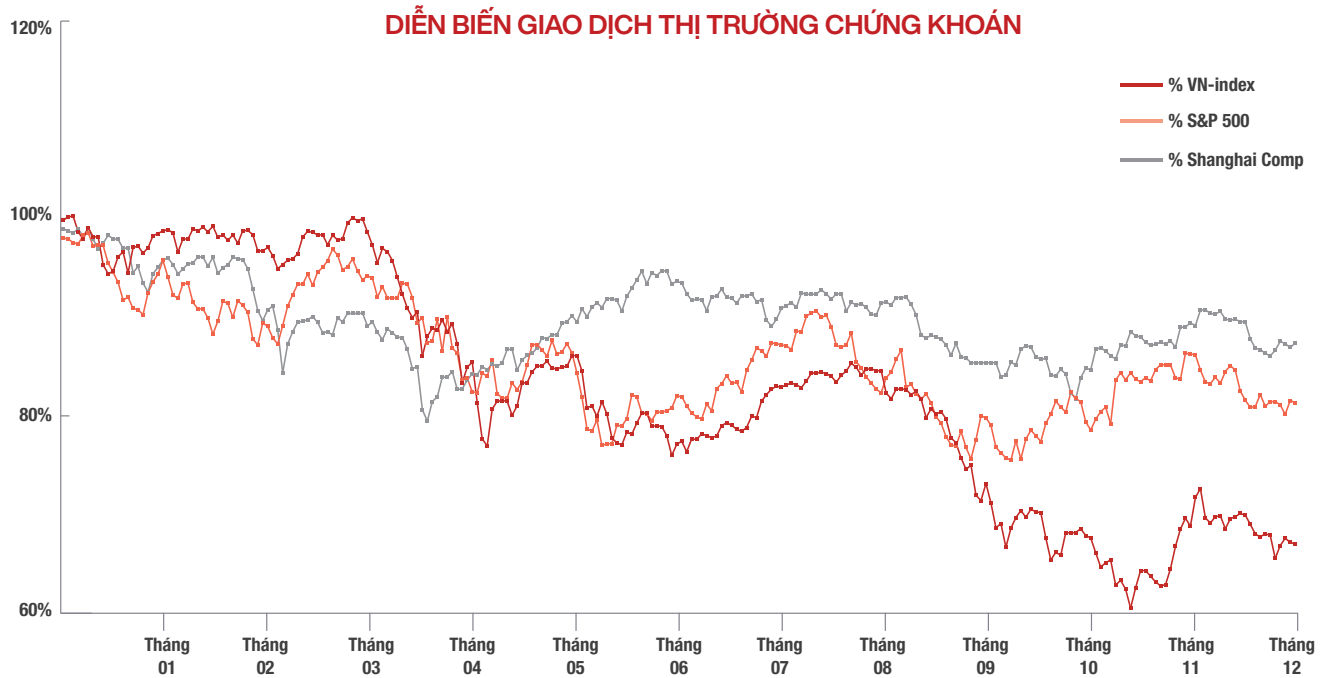
Ba vấn đề chính gây khó khăn cho thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2022 là:

- 1) Lãi suất tăng;
- 2) Thất chặt tín dụng đối với các phân khúc cho vay rủi ro cao, bao gồm đầu tư bất động sản, chứng khoán;
- 3) Kênh huy động vốn dài hạn là thị trường trái phiếu doanh nghiệp gặp khó khăn do khủng hoảng niềm tin của nhà đầu tư sau sự cố Tân Hoàng Minh, Vạn Thịnh Phát.

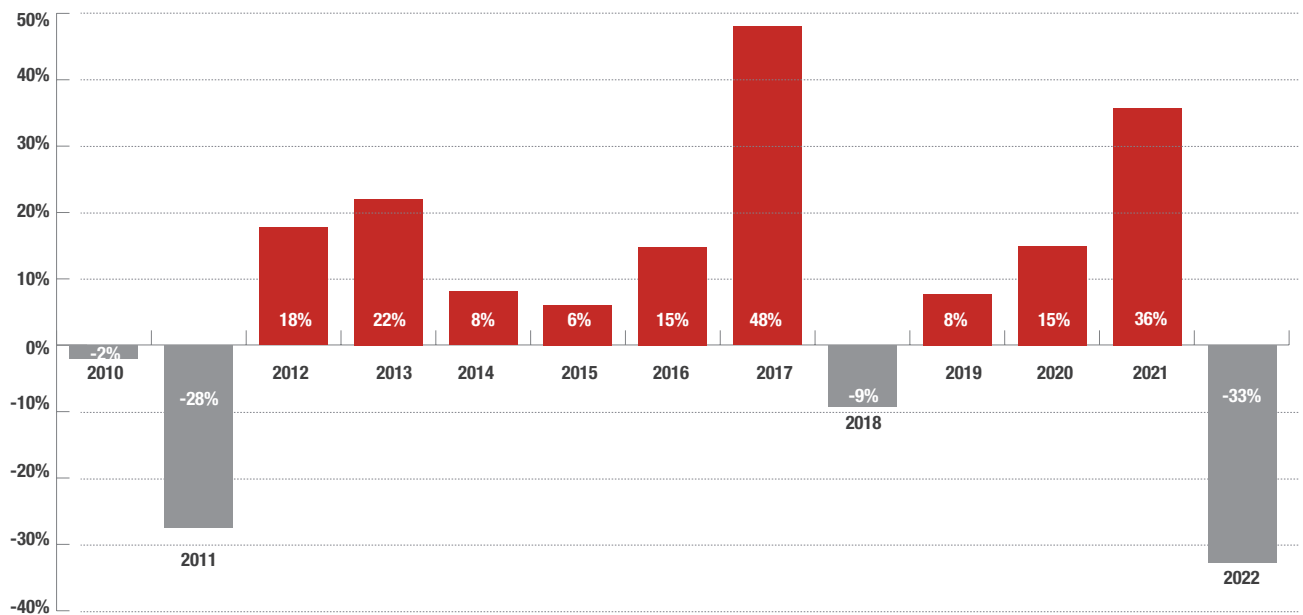


Bất chấp diễn biến kém tích cực của TTCK Việt Nam, dòng tiền từ các quỹ ETF và quỹ chủ động khởi sắc trong năm 2022, đặc biệt trong Quý 4 sau sự kiện “thiên nga đen” liên quan đến thị trường bất động sản và trái phiếu doanh nghiệp. Tổng giá trị vào rông của các quỹ ETF đạt 24.220 tỷ đồng cả năm 2022 (so với mức 13.500 tỷ đồng trong năm 2021), trong đó riêng Quý 4 ghi nhận mức vào rông hơn 14,1 nghìn tỷ đồng. Năm 2022 đánh dấu một năm huy động thành công nhất của các quỹ ETF trên thị trường Việt Nam. Các quỹ chủ động vào rông gần 2.000 tỷ đồng trong năm 2022, trong đó riêng quý 4 là vào rông hơn 4.000 tỷ đồng.

Trong quý 4, Khối ngoại đã tích cực quay trở lại mua ròng vào các nhóm ngành có nền tảng cơ bản, triển vọng tích cực nhưng định giá bị ảnh hưởng mạnh bởi diễn biến thị trường. Từ giữa tháng 11, sự lạc quan vào thị trường đã quay lại khi dòng tiền mới từ khối ngoại tiếp tục được đẩy mạnh tạo động lực cho dòng tiền cá nhân tham gia tìm cơ hội đầu tư ngắn hạn giúp thị trường giao dịch trở nên sôi động hơn. Tính chung trong năm 2022, khối ngoại mua ròng 29,3 nghìn tỷ đồng (trong đó riêng Quý 4 là gần 29 nghìn tỷ đồng).



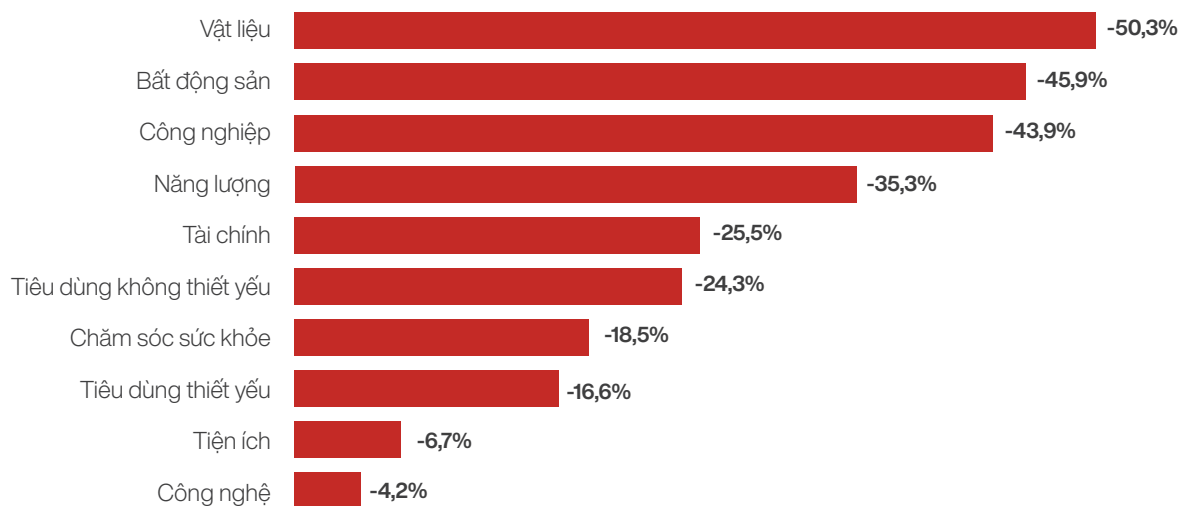
HIỆU SUẤT ĐẦU TƯ CỦA VN-INDEX GIAI ĐOẠN TỪ 2010 - 2022



Tất cả các chỉ số ngành đều suy yếu trong năm 2022. Đáng chú ý, vật liệu và bất động sản trở thành những ngành giảm mạnh nhất với mức chiết khấu lần lượt là

50,3% và 45,9% kể từ đầu năm. Tiếp theo là công nghiệp (-43,9%), năng lượng (-35,3%), tài chính (-25,5%) và tiêu dùng không thiết yếu (-24,3%).

MỨC GIẢM CỦA CHỈ SỐ VN-INDEX THEO NGÀNH NĂM 2022 (%)



CÁC CỔ PHIẾU CÓ ẢNH HƯỞNG TĂNG LỚN CHỐT NGÀY 31/12/2022				CÁC CỔ PHIẾU CÓ ẢNH HƯỞNG GIẢM LỚN CHỐT NGÀY 31/12/2022			
Mã	Giá đóng cửa (VND)	% Thay đổi so với năm trước	% Ảnh hưởng đến VN-Index	Mã	Giá đóng cửa (VND)	% Thay đổi so với năm trước	% Ảnh hưởng đến VN-Index
BID	38.600	+ 4,0	0,3	NVL	14.000	-84,62	-2,98
BCM	80.600	+ 27,0	0,2	VIC	53.800	-43,43	-2,54
SAB	166.900	+ 14,6	0,2	VHM	48.000	-39,78	-2,31
GAS	101.500	+ 8,4	0,1	HPG	18.000	-48,73	-1,69
PNJ	89.000	+ 26,9	0,1	GVR	13.800	-61,69	-1,58

Nguồn: Bloomberg

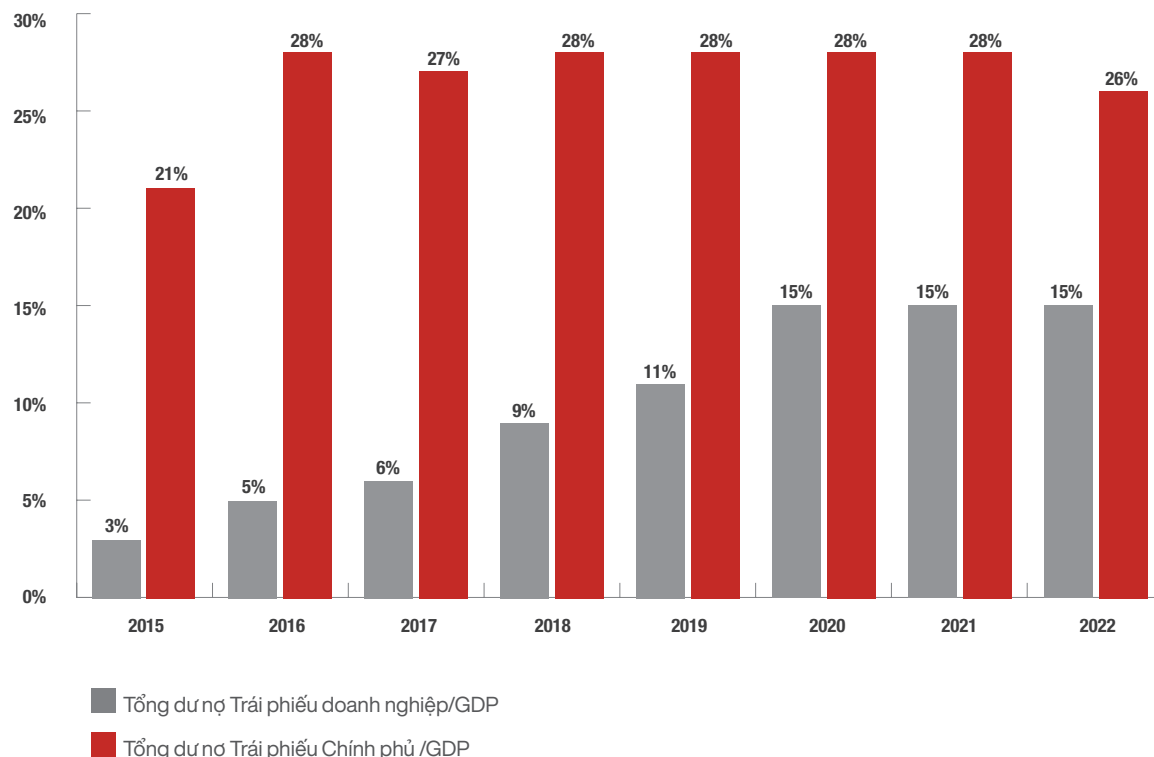
THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU

Trái phiếu Chính phủ

Kho bạc nhà nước đã hoàn thành kế hoạch phát hành 2022 sửa đổi (215 nghìn tỷ đồng), với tổng khối lượng đạt 214,6 nghìn tỷ đồng (giảm 33% so với cùng kỳ), chủ yếu ở kỳ hạn 10 năm (128 nghìn tỷ) và 15 năm (75 nghìn tỷ). Tuy nhiên, khối lượng phát hành ròng trong năm 2022 vẫn cao hơn 13% so với 2021 (175 nghìn tỷ đồng) do khối lượng đáo hạn thấp. Năm 2023, kho bạc nhà nước sẽ đẩy mạnh việc phát hành trái phiếu với tổng khối lượng phát hành dự kiến 400 nghìn tỷ đồng, nhằm tài trợ cho tổng mức vay ngân sách nhà nước trong năm 2023 (648 nghìn tỷ đồng), chủ yếu do kế hoạch đẩy mạnh đầu tư công (tăng 38% so với 2022).

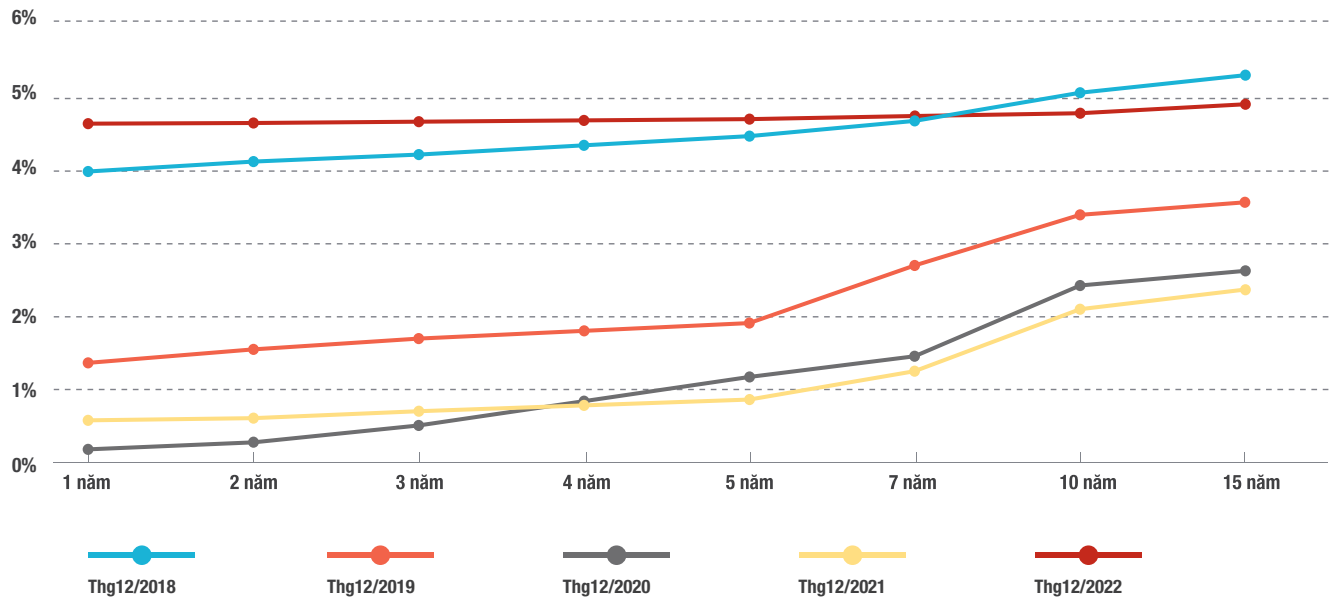
Lợi suất trúng thầu trong năm 2022 tăng khoảng 250 điểm cơ bản so với cuối năm 2021 trong bối cảnh các điều kiện tài chính toàn cầu và Việt Nam đều thắt chặt đáng kể. Cụ thể, lợi suất trái phiếu kỳ hạn 10 năm, 15 năm tại thời điểm cuối năm 2022 lần lượt là: 4,65% (+257bps) and 4,80% (+247bps). Với kỳ hạn 20 năm và 30 năm, khối lượng phát hành rất ít, tập trung chủ yếu vào nửa đầu năm khi lợi suất chưa biến động mạnh. Tương tự với thị trường sơ cấp, lợi suất trên thị trường thứ cấp đã tăng khá mạnh trong năm 2022, với mức tăng gần 400 điểm cơ bản cho kỳ hạn dưới 10 năm và khoảng 230-250 điểm cơ bản cho kỳ hạn trên 10 năm.

Quy mô thị trường Trái Phiếu 2015 - 2022



Nguồn: HNX

Đường cong lợi suất Trái phiếu Chính phủ 2018-2022



Nguồn: VBMA, HNX

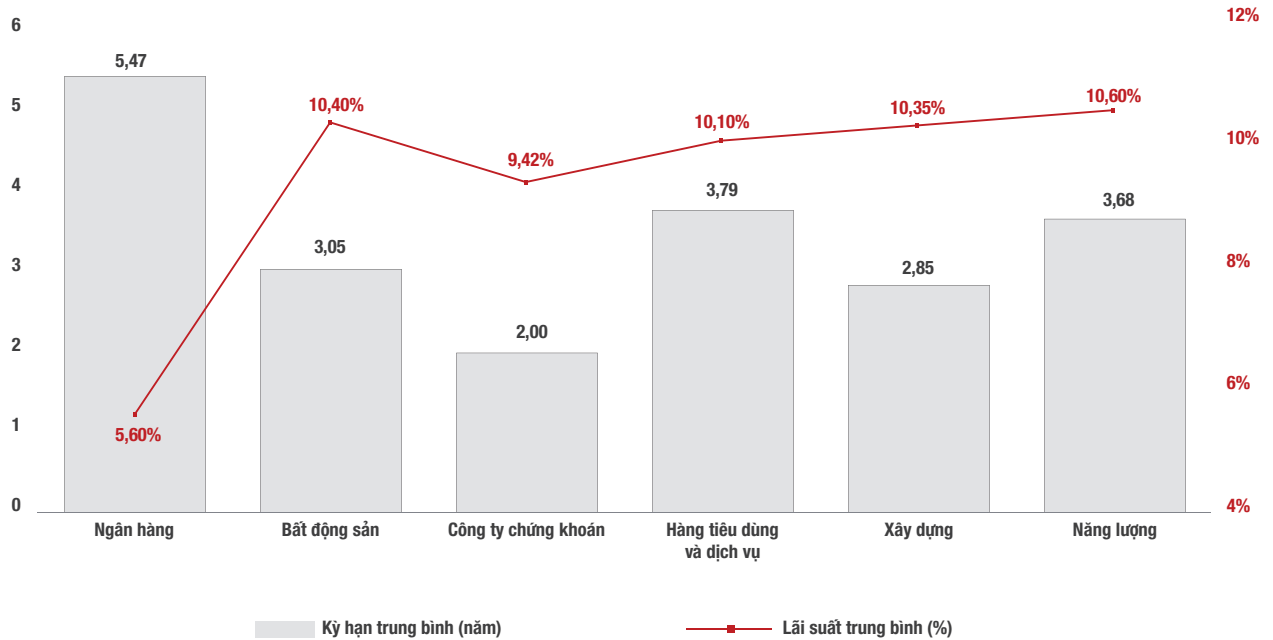
Trái phiếu doanh nghiệp

Thị trường trái phiếu doanh nghiệp (TPDN) Việt Nam bùng nổ trong giai đoạn 2020-2021, Tuy nhiên những rủi ro đầu tư và pháp lý đã bộc lộ qua một số sai phạm xảy ra đầu năm 2022. Nghị định 65, có hiệu lực từ ngày 16/9/2022, đặt ra các điều kiện và yêu cầu nghiêm ngặt hơn đối với hoạt động phát hành trái phiếu, đặc biệt là trái phiếu phát hành riêng lẻ, cũng như nâng cao tiêu chuẩn đối với nhà đầu tư có thể tham gia vào thị trường này. Vì vậy, thị trường TPDN trở nên trầm lắng vào năm 2022 với giá trị phát hành trái phiếu ra công chúng và phát hành riêng lẻ lần lượt là 10.599 tỷ đồng và 247.976 tỷ đồng, đều giảm 65% so với năm 2021. Giá trị phát hành trái phiếu ra công chúng chỉ chiếm 4% tổng giá trị phát hành trong năm.

Khối lượng trái phiếu doanh nghiệp đáo hạn trong năm 2 năm tới là 650.319 tỷ đồng, trong đó có 289.819 tỷ đồng trái phiếu đáo hạn vào năm 2023 và 360.500 tỷ đồng đáo hạn vào năm 2024, chiếm gần một nửa khối lượng TPDN đang lưu hành. Từ sau khi Nghị định số 65 được ban hành và có hiệu lực thi hành đến nay, các doanh nghiệp đã phát hành được khoảng 10 nghìn tỷ đồng, trong đó tổ chức tín dụng chiếm 21,79%, doanh nghiệp bất động sản chiếm 25,30%, doanh nghiệp sản xuất, dịch vụ chiếm 52,28% khối lượng phát hành.

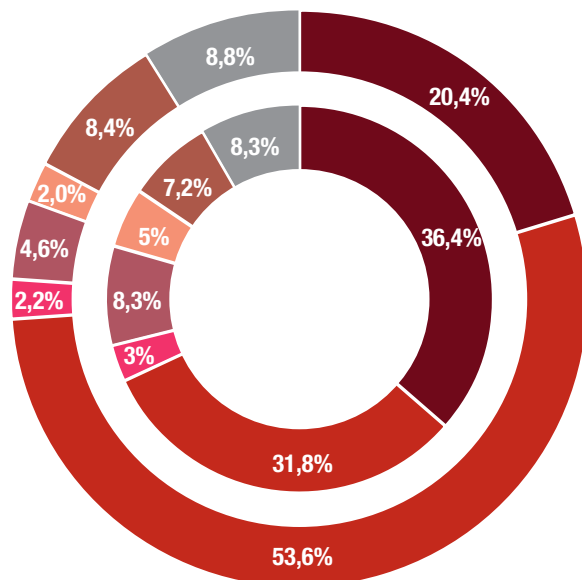
Mặt bằng lãi suất trái phiếu doanh nghiệp có xu hướng tăng cùng với xu hướng lãi suất cho vay tăng mạnh. Bất động sản và ngân hàng tiếp tục là các ngành phát hành trái phiếu chủ đạo chiếm lần lượt 54% và 20% tổng khối lượng phát hành toàn thị trường.

Lãi suất và kỳ hạn trung bình phân theo ngành của Trái phiếu doanh nghiệp năm 2022



Nguồn: VBMA, HNX

Cơ cấu Trái phiếu doanh nghiệp phát hành theo ngành



- Bất động sản
- Ngân hàng
- Công ty chứng khoán
- Hàng tiêu dùng và dịch vụ
- Năng lượng
- Xây dựng
- Khác

Vòng ngoài: Năm 2022

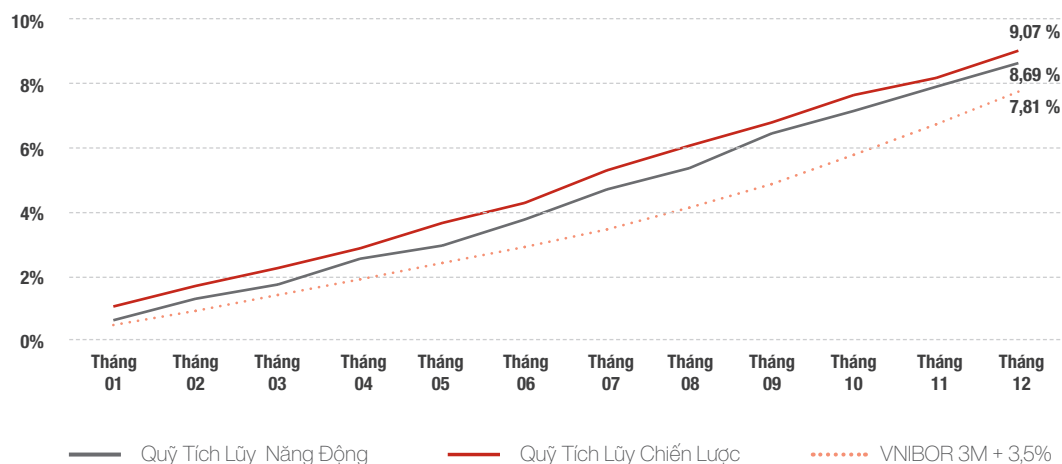
Vòng trong: Năm 2021

Trong năm 2022, các doanh nghiệp đã mua lại trước hạn lượng trái phiếu trị giá 210.830 tỷ đồng, tăng 46% so với năm 2021. Trong đó, nhóm ngân hàng chiếm đa số khi thực hiện mua lại 91.799 tỷ đồng, tương đương 43,5% tổng giá trị mua lại; xếp sau là nhóm bất động sản với 35.439 tỷ đồng, chiếm 16,8%. Hầu hết trái phiếu được mua lại sẽ đáo hạn vào năm 2023 và 2024. Mặc dù hoạt động mua lại trái phiếu doanh nghiệp diễn ra tích cực, áp lực đáo hạn trái phiếu doanh nghiệp trong 2 năm tới vẫn còn lớn với 650.319 tỷ đồng trái phiếu đáo hạn trong đó có 289.819 tỷ đồng trái phiếu đáo hạn vào năm 2023 và 360.500 tỷ đồng đáo hạn vào năm 2024.

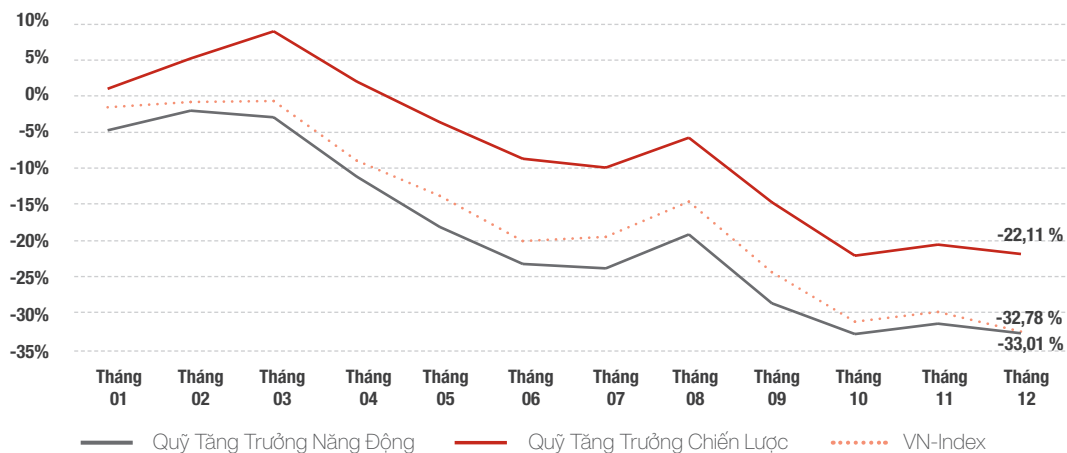
PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ

Giá trị tài sản ròng của Quỹ liên kết đơn vị được tính bằng tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư của Quỹ trừ đi tổng giá trị các khoản nợ phải trả của Quỹ tại thời điểm định giá.

TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN QUỸ TÍCH LŨY



TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN QUỸ TĂNG TRƯỞNG



CÁC QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG

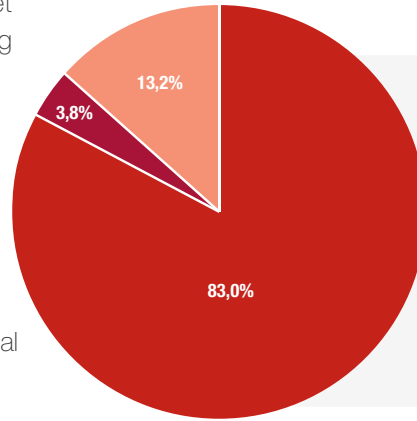
Các Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng là các Quỹ liên kết đơn vị nhằm cung cấp sự tăng trưởng vốn trong thời gian trung và dài hạn thông qua việc đầu tư vào danh mục đa dạng các cổ phiếu niêm yết trong các ngành có thể hưởng lợi từ xu thế tăng trưởng kinh tế của Việt Nam và thế giới.

Mức sinh lời so sánh: **VN-Index**

QUỸ TĂNG TRƯỞNG CHIẾN LƯỢC

Đơn vị quản lý quỹ: CTCP Quản lý Quỹ VinaCapital (**VCFM**)

Ngày thành lập quỹ: **15/08/2019**



Phân bổ tài sản

- Tiền và các khoản tương đương tiền
- Tiền gửi có kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi
- Cổ phiếu niêm yết

LỢI NHUẬN ĐẦU TƯ

	2022	2021	2020	2019*	Từ thành lập
Tăng Trưởng Chiến Lược	-22,11%	52,42%	11,05%	N/A	28,67%
Mức sinh lời so sánh	-32,78%	35,73%	14,87%	7,76%	2,83%

TOP 5 TÀI SẢN NĂM GIỮ (tại ngày 31/12/2022)

Mã chứng khoán	Tăng/giảm trong năm (%)	Ngành	Tỷ lệ nắm giữ (%)
FPT	+22,8%	CNTT	8,8%
VCB	+3,1%	Ngân hàng	8,7%
PNJ	+21,5%	Tiêu dùng	5,0%
HPG	-10,5%	Vật liệu cơ bản	5,0%
MWG	-13,7%	Tiêu dùng	4,9%

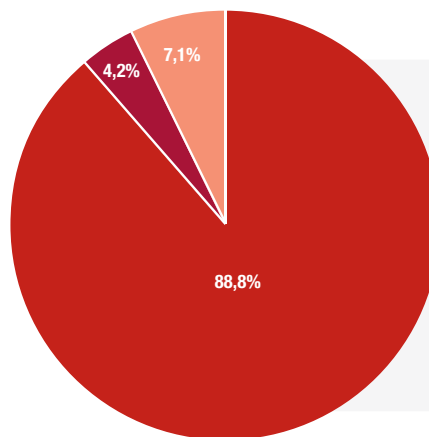
(*) Quỹ thành lập vào ngày 15/08/2019 nên không tính mức lợi nhuận cho cả năm 2019

QUỸ TĂNG TRƯỞNG NĂNG ĐỘNG

Đơn vị quản lý quỹ: Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam **DCVFM (*)**

Ngày thành lập quỹ: **15/08/2019**

(*) Kể từ ngày 31/12/2020, Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam (VFM) đổi tên thành Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam (DCVFM)



Phân bổ tài sản

- Tiền và các khoản tương đương tiền
- Tiền gửi có kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi
- Cổ phiếu niêm yết

LỢI NHUẬN ĐẦU TƯ

	2022	2021	2020	2019*	Từ thành lập
Tăng Trưởng Năng Động	-33,01%	45,47%	14,06%	N/A	9,57%
Mức sinh lời so sánh	-32,78%	35,73%	14,87%	7,76%	2,83%

TOP 5 TÀI SẢN NĂM GIỮ (tại ngày 31/12/2022)

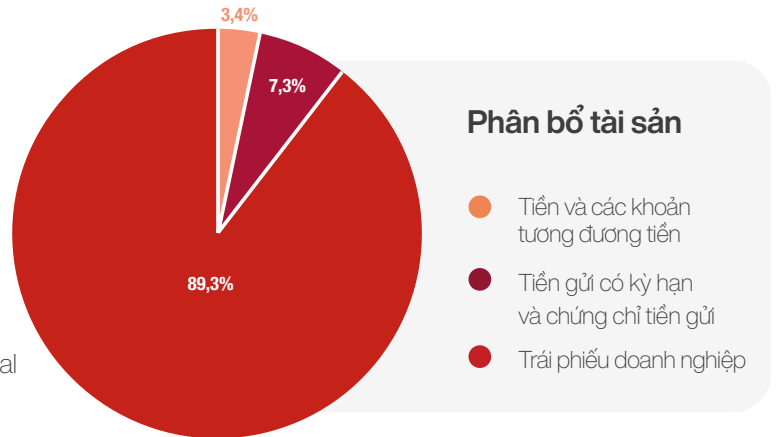
Mã chứng khoán	Tăng/giảm trong năm (%)	Ngành	Tỷ lệ nắm giữ (%)
VPB	+1,7%	Ngân hàng	7,5%
FPT	+7,9%	CNTT	7,0%
MWG	-9,5%	Tiêu dùng không thiết yếu	6,1%
VCB	+8,4%	Ngân hàng	4,7%
STB	+15,4%	Ngân hàng	3,9%

(*) Quỹ thành lập vào ngày 15/08/2019 nên không tính mức lợi nhuận cho cả năm 2019

CÁC QUỸ ĐẦU TƯ TÍCH LŨY

Các Quỹ Đầu Tư Tích Lũy là các Quỹ liên kết đơn vị với mục tiêu đem lại thu nhập ổn định với mức độ rủi ro thấp thông qua đầu tư vào danh mục đa dạng các loại trái phiếu và tài sản sinh lợi ổn định.

Mức sinh lời so sánh: **Lãi suất liên ngân hàng Việt Nam (VNIBOR) 3 tháng + 3,5%**



QUỸ TÍCH LŨY CHIẾN LƯỢC

Đơn vị quản lý quỹ: CTCP Quản lý Quỹ VinaCapital (VCFM)

Ngày thành lập quỹ: **15/08/2019**

LỢI NHUẬN ĐẦU TƯ

	2022	2021	2020	2019*	Từ thành lập
Tích Lũy Chiến Lược	9,07%	9,22%	7,16%	N/A	30,25%
Mức sinh lời so sánh	7,81%	5,00%	5,78%	2,80%	23,25%

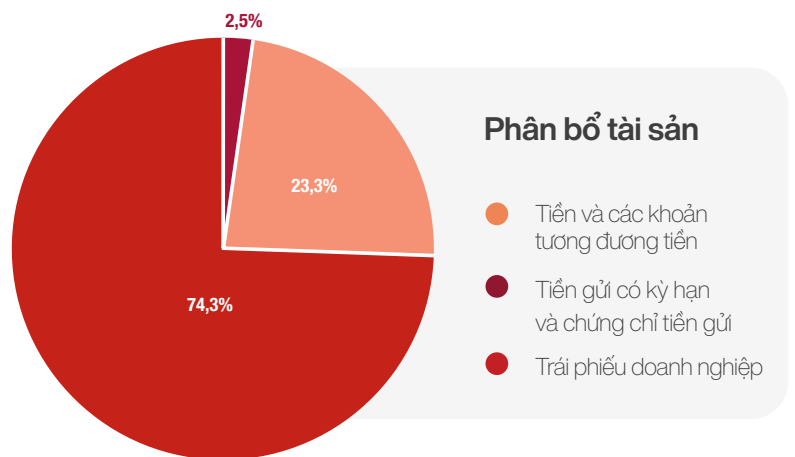
TOP 5 TÀI SẢN NĂM GIỮ (tại ngày 31/12/2022)

Tài sản	Tỷ lệ nắm giữ (%)
TP Cty Nhà Khang Điền (KDH)	13,8%
TP Cty BDS Phát Đạt (PDR)	13,5%
TP Cty cổ phần PC1 (PC1)	13,4%
TP Cty Phát triển Đô thị Kinh Bắc (KBC)	12,1%
TP Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam	11,3%

QUỸ TÍCH LŨY NĂNG ĐỘNG

Đơn vị quản lý quỹ: Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam DCVFM

Ngày thành lập quỹ: 15/08/2019



LỢI NHUẬN ĐẦU TƯ

	2022	2021	2020	2019*	Từ thành lập
Tích Lũy Năng Động	8,69%	8,36%	7,37%	N/A	28,99%
Mức sinh lời so sánh	7,81%	5,00%	5,78%	2,80%	23,25%

TOP 5 TÀI SẢN NĂM GIỮ (tại ngày 31/12/2022)

Tài sản	Tỷ lệ nắm giữ (%)
TP Công ty phát triển hạ tầng HCM (CI)	17,2%
TP Công ty BĐS Đất Xanh (DXG)	15,1%
TP Công ty BĐS Khang Điền (KDH)	12,2%
TP Công ty BĐS Phát Đạt (PDR)	11,2%
TP Cty Phát triển Đô thị Kinh Bắc (KBC)	9,7%

BÁO CÁO

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

CỦA CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ

CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

BÁO CÁO PHÍ BẢO HIỂM VÀ TÌNH HÌNH THAY ĐỔI ĐƠN VỊ QUỸ CỦA CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ

Đơn vị: VNĐ	NĂM 2022
Tổng phí bảo hiểm (a)	1.829.502.694.600
Phí bảo hiểm cơ bản	1.785.590.275.800
Phí bảo hiểm đóng thêm	43.912.418.800
Phí ban đầu khấu trừ trước khi đầu tư vào các Quỹ Liên kết đơn vị (b)	1.245.359.105.900
Năm thứ nhất	1.026.584.328.900
Năm thứ hai	205.150.076.300
Năm thứ ba	13.156.231.700
Năm thứ tư	468.469.000
Tổng số phí bảo hiểm đầu tư vào các Quỹ Liên kết đơn vị [(c)=(a)-(b)]	584.143.588.700
Tổng số phí bảo hiểm đã phân bổ vào các Quỹ Liên kết đơn vị	561.128.685.900
Phí bảo hiểm đã nhận chưa phân bổ vào các Quỹ Liên kết đơn vị	23.014.902.800

QUỸ	Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2022				Số phát sinh trong năm		Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2022			
	Số tiền	Số đơn vị quỹ	Giá mua	Giá bán	Số tiền	Số đơn vị quỹ	Số tiền	Số đơn vị quỹ	Giá mua	Giá bán
Quỹ Tích Lũy Chiến Lược	60.313.858.414	5.050.562	11.942	11.942	15.224.164.740	748.852	75.538.023.154	5.799.414	13.025	13.025
Quỹ Tích Lũy Năng Động	66.908.155.961	5.637.849	11.868	11.868	15.438.119.901	746.152	82.346.275.862	6.384.001	12.899	12.899
Quỹ Tăng Trưởng Chiến Lược	114.622.881.069	6.938.827	16.519	16.519	18.434.304.403	3.401.990	133.057.185.472	10.340.817	12.867	12.867
Quỹ Tăng Trưởng Năng Động	122.080.458.402	7.463.554	16.357	16.357	(1.974.594.968)	3.497.698	120.105.863.434	10.961.252	10.957	10.957
	363.925.353.846	25.090.792			47.121.994.076	8.394.692	411.047.347.922	33.485.484		

Đơn vị: VNĐ

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI SẢN CỦA CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ TẠI NGÀY 31/12/2022

Đơn vị: VNĐ

TÀI SẢN	Quý Tích Lũy Chiến Lược	Quý Tích Lũy Năng Động	Quý Tăng Trưởng Chiến Lược	Quý Tăng Trưởng Năng Động	Tổng cộng
Tiền	4.231.034.240	35.766.287	13.208.150.046	9.642.235.766	27.117.186.339
Danh mục đầu tư	72.980.565.557	80.313.559.693	115.555.345.514	111.615.750.000	380.465.220.764
Tiền gửi có kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi	5.500.000.000	19.150.000.000	5.110.277.564	5.000.000.000	34.760.277.564
Trái phiếu doanh nghiệp	67.480.565.557	61.163.559.693	-	-	128.644.125.250
Cổ phiếu niêm yết	-	-	110.445.067.950	106.615.750.000	217.060.817.950
Tài sản khác	(1.673.576.643)	1.996.949.882	4.293.689.912	(1.152.122.332)	3.464.940.819
Phải thu từ các khoản đầu tư	(2.304.804.078)	1.299.385.504	95.935.343	(4.410.505.867)	(5.319.989.098)
Tài sản khác	631.227.435	697.564.378	4.197.754.569	3.258.383.535	8.784.929.917
Tổng tài sản	75.538.023.154	82.346.275.862	133.057.185.472	120.105.863.434	411.047.347.922



BÁO CÁO THU NHẬP VÀ CHI PHÍ CỦA CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31/12/2022

Đơn vị: VNĐ

THU NHẬP/ DOANH THU	Quý Tích Lũy Chiến Lược	Quý Tích Lũy Năng Động	Quý Tăng Trưởng Chiến Lược	Quý Tăng Trưởng Năng Động	Tổng cộng
Phí bảo hiểm đầu tư vào các Quỹ liên kết đơn vị	30.682.748.100	40.776.255.000	251.473.984.100	238.195.698.700	561.128.685.900
Thu nhập đầu tư từ hoạt động đầu tư	6.725.398.524	7.245.109.150	(27.425.842.330)	(42.882.807.590)	(56.338.142.246)
Tiền gửi có kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi	225.287.669	545.077.585	185.480.936	154.975.329	1.110.821.519
Trái phiếu doanh nghiệp	6.500.110.855	6.700.031.565	-	-	13.200.142.420
Cổ phiếu niêm yết	-	-	(27.611.323.266)	(43.037.782.919)	(70.649.106.185)
Thu nhập khác	23.148.900	14.516.600	49.557.300	73.094.400	160.317.200
Tổng thu nhập/ Doanh thu (1)	37.431.295.524	48.035.880.750	224.097.699.070	195.385.985.510	504.950.860.854
Chi phí					
Phí bảo hiểm rủi ro	17.425.615.095	25.867.709.003	158.065.157.030	158.502.528.072	359.861.009.200
Phí quản lý hợp đồng	1.440.866.205	2.138.914.897	13.069.882.570	13.106.047.328	29.755.711.000
Phí chuyển đổi quỹ	600.000	200.000	600.000	1.000.000	2.400.000
Phí hủy bỏ hợp đồng	2.348.033.100	3.487.927.700	14.681.972.700	8.391.459.600	28.909.393.100
Phí quản lý quỹ	991.978.876	1.102.982.448	3.069.338.186	2.883.786.337	8.048.085.847
Phí hoạt động đầu tư	37.508	26.801	351	392	65.052
Tổng chi phí (2)	22.207.130.784	32.597.760.849	188.886.950.837	182.884.821.729	426.576.664.199
Chênh lệch giữa doanh thu và chi phí [(3)=(1)-(2)]	15.224.164.740	15.438.119.901	35.210.748.233	12.501.163.781	78.374.196.655
Rút quỹ mỗi trong năm (4)	-	-	(16.776.443.830)	(14.475.758.749)	(31.252.202.579)
Lợi nhuận lũy kế tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 (5)	20.313.858.414	26.908.155.961	104.622.881.069	112.080.458.402	263.925.353.846
Lợi nhuận phân chia (6)	-	-	-	-	-
- Cho chủ hợp đồng	-	-	-	-	-
- Cho Chủ sở hữu (tối đa bằng với tỷ lệ phí quản lý quỹ)	-	-	-	-	-
- Cho Chủ sở hữu (tương ứng với thu nhập từ quỹ mỗi)	-	-	-	-	-
Lợi nhuận lũy kế tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 [(3)+(4)+(5)+(6)]	35.538.023.154	42.346.275.862	123.057.185.472	110.105.863.434	311.047.347.922

TRIỂN VỌNG NĂM 2023



KINH TẾ VĨ MÔ

Năm 2023 được dự báo có nhiều thách thức hơn đối với nền kinh tế Việt Nam do các yếu tố thúc đẩy tăng trưởng đang chậm lại, một số nền kinh tế là thị trường nhập khẩu lớn của Việt Nam được dự báo sẽ rơi vào suy thoái. Việt Nam sẽ phải đối mặt với các thách thức do tăng trưởng xuất khẩu thấp, môi trường lãi suất cao, lạm phát thế giới vẫn ở mức cảnh báo, thanh khoản thắt chặt và gia tăng áp lực nợ xấu ở mảng bất động sản trong năm 2023.

Tuy nhiên, khi nhìn vào cơ hội, chúng ta vẫn còn nhiều lý do để lạc quan, bao gồm:

- 1) Khôi phục du lịch quốc tế đặc biệt sau khi Trung Quốc mở cửa trở lại (chiếm hơn 30% lượng khách nước ngoài đến Việt Nam trước dịch Covid). Việt Nam có thể đón 10 triệu lượt khách quốc tế trong năm 2023, tăng khoảng 195% so với mức dự kiến năm 2022.
- 2) Đẩy mạnh giải ngân đầu tư công vào phát triển cơ sở hạ tầng. Dự kiến giải ngân vốn đầu tư công trong năm 2023 sẽ tăng trưởng 20% - 25% so với năm 2022.
- 3) Trung Quốc mở cửa sẽ hỗ trợ xuất khẩu. Cụ thể, xuất khẩu nông sản và gỗ sang thị trường Trung Quốc sẽ được hưởng lợi từ xu hướng chi phí vận chuyển giảm và nhu cầu gia tăng từ thị trường Trung Quốc. Ngoài ra, việc Trung Quốc mở cửa trở lại cũng góp phần ổn định chuỗi cung ứng nguyên vật liệu đầu vào cho lĩnh vực sản xuất của Việt Nam, nhất là ngành điện tử và linh kiện, máy móc thiết bị và dệt may.
- 4) Việt Nam vẫn là điểm đến hấp dẫn cho dòng vốn FDI nhờ chi phí lao động cạnh tranh, vị trí địa lý thuận lợi (gần trung tâm sản xuất ở miền nam Trung Quốc) và ổn định chính trị. Bên cạnh đó, Việt Nam đã ký kết nhiều hiệp định thương mại tự do (FTA) với các đối tác và khu vực lớn trên thế giới như CPTPP, EVFTA, RCEP...

Cân nhắc những thách thức và cơ hội, Chính phủ đã đưa ra mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2023 ở mức 6,5%, thấp hơn mức ước tính 8,02% năm 2022 và lạm phát dự kiến ở mức 4,5%. Các yếu tố hỗ trợ kiểm soát lạm phát năm 2023 bao gồm:

- (1) Giá cả hàng hóa thế giới được kỳ vọng sẽ tiếp tục hạ nhiệt trong năm 2023;
- (2) NHNN thực hiện chính sách tiền tệ và cung tiền thận trọng để kiểm soát lạm phát.

Năm 2022, NHNN gặp nhiều khó khăn trong việc cân bằng ba mục tiêu chính là kiểm soát lạm phát, ổn định tỷ giá và lãi suất để hỗ trợ tăng trưởng. NHNN đã phải bán một lượng lớn dự trữ ngoại hối để ổn định tỷ giá (ước ~20% dự trữ ngoại hối). Năm 2023, dự kiến áp lực về mặt tỷ giá có thể được cải thiện nhờ các yếu tố:

- (1) Xu hướng tăng lãi suất của Fed có thể chậm lại do lạm phát đã phần nào được kiểm chế;
- (2) Dự trữ ngoại hối của năm được cải thiện nhờ thặng dư thương mại.

Tương tự như tỷ giá, áp lực về lãi suất dự báo cũng sẽ hạ nhiệt vào năm 2023. Lãi suất tiền gửi có thể đạt đỉnh trong 6 tháng đầu năm với mức tăng 100-150 điểm cơ bản do quá trình tăng lãi suất của Ngân hàng trung ương (NHTW) lớn trên thế giới tiếp diễn ít nhất cho tới tháng 6 năm 2023. Sau đó lãi suất dự báo đi ngang hoặc thậm chí hạ nhiệt vào nửa cuối năm.

THỊ TRƯỜNG CỔ PHIẾU

Dự kiến TTCK Việt Nam có thể gặp nhiều khó khăn trong những tháng đầu năm 2023. Tuy định giá các tài sản đã trở về vùng hấp dẫn, song đà tăng sẽ khá mong manh và không ổn định trong bối cảnh thanh khoản thấp, áp lực lãi suất, tỷ giá và nguy cơ thanh khoản do lượng lớn TPDN đáo hạn. Tuy nhiên, từ giữa năm 2023, TTCK được kỳ vọng sẽ tăng trở lại nhờ các yếu tố:

- 1) Xu hướng tăng lãi suất của Fed và các NHTW lớn sẽ chậm lại. Điều này sẽ có tác động tích cực tới chính sách tiền tệ của các NHTW ở các thị trường mới nổi trong đó có Việt Nam.
- 2) Tăng trưởng lợi nhuận ròng toàn thị trường sẽ khởi sắc hơn trong nửa cuối 2023 nhờ dự báo: lãi suất giảm, Việt Nam đồng (VND) mạnh lên, giá nguyên vật liệu đầu vào giảm. Đà tăng trưởng lợi nhuận ròng của các doanh nghiệp tích cực sẽ là tín hiệu tốt cho sự phục hồi của TTCK.
- 3) Tín hiệu đạt đỉnh của cả lạm phát toàn cầu lẫn lãi suất của Mỹ sẽ khuyến khích nhà đầu tư nước ngoài tìm kiếm câu chuyện tăng trưởng cao từ những thị trường mới nổi. VN-Index đang giao dịch ở mức P/E trong 12 tháng là 10,5%, thấp hơn 40% từ đỉnh 2022 và thấp hơn 34% so với trung bình định giá 5 năm (16 lần P/E). So với các thị trường khu vực, TTCK Việt Nam vẫn khá hấp dẫn trong tương quan tăng trưởng lợi nhuận giai đoạn 2023-2024.

Tuy nhiên, thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2023 sẽ đối mặt với nhiều thách thức đến từ cả nội cảnh và ngoại cảnh, bao gồm:

- 1) Xuất khẩu tăng trưởng chậm lại do cầu thế giới giảm. Theo Báo cáo triển vọng kinh tế toàn cầu mới nhất của Fitch, tăng trưởng chi tiêu của người tiêu dùng năm 2023 dự báo sẽ giảm xuống 0,9% (so với mức 2,5% trong năm 2022) trong bối cảnh tăng trưởng kinh tế toàn cầu giảm tốc. Đà tăng lãi suất điều hành của Fed sẽ tác động mạnh hơn đến tăng trưởng việc làm và chi tiêu của người tiêu dùng Mỹ và khối liên minh Châu Âu (EU) - đối tác thương mại lớn của Việt Nam trong năm 2023.
- 2) Áp lực lãi suất và tỷ giá còn kéo dài cho đến ít nhất là Q2/2023. Sau đó, có thể được giảm bớt khi Fed chuyển dịch chính sách tiền tệ sang hướng trung lập hơn.
- 3) Lạm phát dự kiến sẽ tăng trong 2023 do các yếu tố sau: (i) Quốc hội đã quyết định tăng mức lương cơ sở lên 1,8 triệu đồng/tháng, tương ứng với mức tăng 20,8%, sẽ có hiệu lực từ ngày 01/07/2023. (ii) Giá nguyên liệu nhập khẩu tăng do ảnh hưởng kéo dài của việc tăng giá đồng USD. (iii) Chính phủ có thể xem xét tăng giá các dịch vụ thiết yếu như điện, y tế, giáo dục trong năm 2023. (iv) Lãi suất tăng sẽ làm tăng chi phí của các doanh nghiệp sản xuất, thương mại và vận chuyển, từ đó gia tăng áp lực tăng giá đầu ra.

THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU

Trái phiếu Chính phủ

Nhu cầu phát hành trái phiếu Chính phủ năm 2023 dự kiến khoảng 400 nghìn tỷ đồng, tăng 86% so với khối lượng phát hành năm 2022. Những dự báo chính về thị trường trái phiếu Chính phủ năm 2023 như sau:

- 1) Kỳ hạn trái phiếu: kỳ hạn bình quân của trái phiếu sẽ tiếp tục theo xu hướng được kéo dài ra bằng việc tăng cường phát hành các kỳ hạn trái phiếu có kỳ hạn từ 10 năm trở lên để giảm bớt áp lực trả nợ của Chính phủ.
- 2) Thanh khoản thị trường trái phiếu: thanh khoản thị trường sẽ được cải thiện so với năm 2022, có thể ở mức 4.000 – 6.000 tỷ đồng/phiên. Tỷ trọng giao dịch sẽ tăng lên ở các kỳ hạn dài, từ 10 năm trở lên.
- 3) Lợi suất trái phiếu: Lợi suất trái phiếu Chính phủ có thể đã đạt đỉnh trong năm 2022. Lợi suất sẽ biến động với xu hướng chủ đạo là đi ngang và giảm xen kẽ trong cả năm 2023, tuy nhiên có thể có những nhịp tăng mang tính thời điểm khi bị tác động bởi các yếu tố vĩ mô bao gồm thanh khoản trên thị trường tiền tệ liên ngân hàng, tỷ giá hoặc lạm phát.

Trái phiếu doanh nghiệp

Tìm kiếm giải pháp tháo gỡ khó khăn cho trái phiếu doanh nghiệp trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết. Khối lượng trái phiếu doanh nghiệp đáo hạn trong năm 2023 sẽ vào khoảng 290 nghìn tỷ đồng, trong đó doanh nghiệp bất động sản và tài chính – ngân hàng chiếm lần lượt 30% và 40%. Các thành viên tham gia thị trường (doanh nghiệp phát hành, doanh nghiệp tư vấn bảo lãnh, nhà đầu tư) sẽ cần có thời gian thích ứng với các quy định mới và tìm kiếm giải pháp mới. Trong bối cảnh chi phí tài chính gia tăng, lực cầu nội địa yếu đi, thị trường bất động sản trầm lắng, các doanh nghiệp đang có xu hướng hoãn, hoặc hủy kế hoạch mở rộng kinh doanh, dẫn đến giảm nhu cầu vốn. Vì vậy, chúng tôi cho rằng thị trường trái phiếu doanh nghiệp sẽ tương đối im ắng trong nửa đầu năm 2023.

Khối lượng phát hành sẽ phục hồi đáng kể trong nửa cuối năm 2023 từ mức nền thấp của 2022, nhờ lợi nhuận của doanh nghiệp khởi sắc hơn, lãi suất ổn định và cơ chế thị trường tốt hơn. Hiện quy mô trái phiếu doanh nghiệp trên GDP của Việt Nam là 15%; và 13% đối với trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ, tương đối thấp so với các nước trong khu vực. Chính phủ đang đặt mục tiêu quy mô thị trường trái phiếu doanh nghiệp đạt 20% GDP vào năm 2025 và 30% vào năm 2030. Mới đây, Bộ trưởng Bộ Tài chính đã đưa ra một số biện pháp để tháo gỡ thể khó của trái phiếu doanh nghiệp, bao gồm: đẩy nhanh quy trình pháp lý để doanh nghiệp có quyền sử dụng đất, đề nghị Ngân hàng Nhà nước giảm chi phí đi vay cho các công ty và tham gia tái cơ cấu các nghĩa vụ trả nợ, cải thiện niềm tin của nhà đầu tư, đảm bảo các tổ chức phát hành cung cấp thông tin chính xác và đảm bảo thanh toán trái phiếu đúng hạn để củng cố niềm tin của nhà đầu tư.

GENERALI TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM SỐ TẠİ Ý (*)

(*) theo Báo cáo Phí bảo hiểm trực tiếp năm 2021 từ ANIA - Hiệp hội của các công ty bảo hiểm

TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM TỐT NHẤT THẾ GIỚI (*)

710 TỶ EURO
TỔNG TÀI SẢN
QUẢN LÝ (2021)

TOP ()**
50 CÔNG TY
THÔNG MINH
NHẤT THẾ GIỚI

75,8 TỶ EURO
DOANH THU PHÍ
BẢO HIỂM (2021)

TOP (*)**
100 CÔNG TY
BỀN VỮNG
NHẤT THẾ GIỚI

67 TRIỆU
KHÁCH HÀNG

TOP (**)**
500 CÔNG TY
LỚN NHẤT
THẾ GIỚI

75 NGHÌN
NHÂN VIÊN

(*) Tạp chí Forbes (2019)
(**) Tạp chí MIT Technology Review (2015)
(***) Tạp chí Corporate Knights (2020)
(****) Bảng xếp hạng Fortune Global 500 (2021)

GENERALI VIỆT NAM ĐƠN GIẢN, HIỆU QUẢ LẤY KHÁCH HÀNG LÀM TRỌNG TÂM

 GIẢI THƯỞNG
RỒNG VÀNG
2017 - 2021



 CÔNG TY BẢO HIỂM
CÓ DỊCH VỤ KHÁCH
HÀNG TỐT NHẤT
VIỆT NAM
2017 & 2018



 CÔNG TY BẢO HIỂM
SÁNG TẠO NHẤT
VIỆT NAM 2018

 TOP 100 NƠI LÀM
VIỆC TỐT NHẤT
VIỆT NAM
2021 & 2022



Theo dõi và liên hệ chúng tôi tại

 1900 96 96 75
 www.generali.vn

 GeneraliVietnam
 info@generali-life.com.vn

**TOÀ NHÀ
GENERALI PLAZA**
43-45 Tú Xương, P. Võ Thị Sáu,
Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh
(+84) 28 6288 6888
(+84) 28 6291 6308

**TOÀ NHÀ
GENTOWER HÀ NỘI**
14 Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
(+84) 24 6326 3263
(+84) 24 6273 9739

**TOÀ NHÀ
GENTOWER ĐÀ NẴNG**
386 Hoàng Diệu,
P. Bình Thuận, Quận Hải Châu,
Tp. Đà Nẵng
(+84) 23 6626 0800